TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Bích

2.Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Giáp Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Xuân T, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị Dương Thị D tại Việt Nam: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 07/4/2021, nguyên đơn anh Lưu Xuân T trình bày:

Anh và chị Dương Thị D có được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2005 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2010 chị D đi xuất khẩu lao động, sau hai lần hết hạn hợp đồng về nước, anh có yêu cầu chị D ở nhà sinh con nhưng chị D không đồng ý, đến năm 2017 chị D lại đi xuất khẩu lao động tiếp đến nay chưa về nước. Qua thời gian vợ chồng sống xa cách nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tình cảm với nhau nữa, cả hai cùng muốn giải thoát cho nhau để tìm cuộc sống mới. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Lưu Tâm N, sinh ngày 09/9/2006. Hiện nay cháu N đang ở với anh. Ly hôn anh không đề nghị giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T còn trình bày: Hiện nay chị Duyên vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh đã lâu không liên lạc được với chị D, chị D vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị D là ông Dương Văn B và bà Nguyễn Thị G, trú tại: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị D được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Dương Thị D.

Bị đơn chị Dương Thị D không có bản tự khai.

Ngày 12/5/2021 và ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Dương Thị D là ông Dương Văn B, sinh năm 1958; trú tại: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu ông Bẩy thông báo cho chị D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lưu Xuân T và chị Dương Thị D; yêu cầu chị D viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông Bẩy vẫn giữ nguyên quan điểm là chị D ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị D, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị D biết để chị D gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị D gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lưu Xuân T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Dương Thị D vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị D là ông Dương Văn B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Lưu Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Dương Thị D không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Dương Thị D; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị D là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T. Xử cho anh Lưu Xuân T được ly hôn chị Dương Thị D.

Anh Lưu Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lưu Xuân T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lưu Xuân T.

Đối với bị đơn chị Dương Thị D vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản với bố đẻ của chị D là ông Dương Văn B để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông B thông báo cho chị D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lưu Xuân T với chị Dương Thị D, yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài. Ông Dương Văn B trình bày: Chị D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông B vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị D cho Tòa án, cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị D biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết

các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Dương Thị D.

[2].Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lưu Xuân T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Dương Thị D, chị D hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an ngày 14/04/2012 cung cấp thì chị D xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần đây nhất là ngày 04/8/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị D ở Việt Nam là: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Lưu Xuân T và chị Dương Thị D kết hôn năm 2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2010 chị D đi xuất khẩu lao động, sau hai lần hết hạn hợp đồng về nước, anh có yêu cầu chị D ở nhà sinh con nhưng chị D không đồng ý, năm 2017 chị D lại đi xuất khẩu lao động tiếp đến nay chưa về nước. Qua thời gian sống xa cách nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tình cảm với nhau nữa, cả hai cùng muốn giải thoát cho nhau để tìm cuộc sống mới. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lưu Xuân T. Hội đồng xét xử thấy: Anh Lưu Xuân T và chị Dương Thị D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010 chị D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, sau khi hết hạn hợp đồng về nước đến năm 2017 chị D lại đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh và chị D đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn T. Xử cho anh Lưu Văn T được ly hôn chị Dương Thị D.

[4]. Về nuôi con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Lưu Tâm N, sinh ngày 09/9/2006. Hiện nay cháu N đang ở với anh. Ly hôn anh không đề nghị giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lưu Xuân T được ly hôn với chị Dương Thị D.

2. Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000055 ngày 11/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lưu Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lưu Xuân T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Dương Thị D hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã S, huyện T;
-Các đương sự;
-Công thông tin điện tử TAND;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền